

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty tại số 168 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty con

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 là Công ty cổ phần được thành lập mới và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 có trụ sở tại số 11, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội, ngành nghề kinh doanh là đầu tư và xây dựng. Tổng vốn điều lệ là 10.600.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 là Công ty con được thành lập theo Quyết định số 48/QĐ-HĐQT ngày 18/9/2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 trên cơ sở chuyển đổi Chi nhánh của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02 có vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 chiếm 51% vốn điều lệ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dân	Chủ tịch (bổ nhiệm từ ngày 15/8/2008)
Ông Ngô Ngọc Sơn	Chủ tịch (thôi giữ chức từ ngày 15/8/2008)
Ông Nguyễn Việt Thịnh	Ủy viên (thôi giữ chức từ ngày 15/8/2008)
Bà Nguyễn Thị Thuý	Ủy viên (thôi giữ chức từ ngày 15/8/2008)
Ông Nguyễn Huy Hưng	Ủy viên
Ông Dương Tất Khiêm	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Dương Tất Khiêm	Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 12/5/2008)
Ông Ngô Ngọc Sơn	Giám đốc (thôi giữ chức từ ngày 12/5/2008)
Ông Nguyễn Việt Thịnh	Phó Giám đốc (thôi giữ chức từ ngày 6/5/2008)
Ông Dương Tất Khiêm	Phó Giám đốc (thôi giữ chức từ ngày 12/5/2008)
Ông Nguyễn Đình Học	Phó Giám đốc
Ông Ngô Quang Đạo	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 12/5/2008)
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 12/5/2008)

H
K
I
V
C
T
U

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens International Limited.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Dương Tất Khiêm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2009

Số: *191* /2009/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Như đã nêu tại thuyết minh số 5.18 và 5.19, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty chưa phân loại lại doanh thu tài chính nội bộ đối với các khoản thu sử dụng vốn từ các đơn vị trực thuộc. Chúng tôi cũng xin lưu ý đến thuyết minh số 16 - phải trả nội bộ ngắn hạn liên quan đến việc phân loại lại công nợ.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2009

100
G
D
T
C
N
-11

Số: *191* /2009/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

Như đã nêu tại thuyết minh số 5.18 và 5.19, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008 của Công ty chưa phân loại lại doanh thu tài chính nội bộ đối với các khoản thu sử dụng vốn từ các đơn vị trực thuộc. Chúng tôi cũng xin lưu ý đến thuyết minh số 16 - phải trả nội bộ ngắn hạn liên quan đến việc phân loại lại công nợ.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

Phan Thanh Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1009/KTV

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2009

09
G
DA
TO
NA
- 19

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		401.984.976.639	434.443.672.038
I- Tiền	110	5.1	47.763.371.430	38.365.813.912
1. Tiền	111		47.603.371.430	38.365.813.912
2. Các khoản tương đương tiền	112		160.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.152.116.118	57.957.867.534
1. Phải thu khách hàng	131		29.259.446.340	56.691.469.372
2. Trả trước cho người bán	132		5.374.434.195	818.106.518
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	5.601.800.908	531.856.969
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(83.565.325)	(83.565.325)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	295.363.465.688	306.145.679.315
1. Hàng tồn kho	141		295.363.465.688	306.145.679.315
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		18.706.023.403	31.974.311.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		139.239.903	529.126.503
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	822.577.242
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	18.566.783.500	30.622.607.532
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		30.954.642.982	13.830.494.681
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		15.067.946.931	8.166.118.521
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	11.761.860.860	6.284.278.562
<i>Nguyên giá</i>	222		21.538.306.821	15.116.440.024
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.776.445.961)	(8.832.161.462)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	1.776.366.200	1.776.366.200
<i>Nguyên giá</i>	228		1.776.366.200	1.776.366.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	1.529.719.871	105.473.759
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	2.637.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	5.000.000.000	2.637.000.000
V- Lợi thế thương mại	260		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	270		10.886.696.051	3.027.376.160
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.9	10.101.503.370	2.780.624.823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.10	785.192.681	246.751.337
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		432.939.619.621	448.274.166.719

20
 Y
 H
 Á
 T
 M
 H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		401.984.976.639	434.443.672.038
I- Tiền	110	5.1	47.763.371.430	38.365.813.912
1. Tiền	111		47.603.371.430	38.365.813.912
2. Các khoản tương đương tiền	112		160.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.152.116.118	57.957.867.534
1. Phải thu khách hàng	131		29.259.446.340	56.691.469.372
2. Trả trước cho người bán	132		5.374.434.195	818.106.518
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	5.601.800.908	531.856.969
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(83.565.325)	(83.565.325)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	295.363.465.688	306.145.679.315
1. Hàng tồn kho	141		295.363.465.688	306.145.679.315
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		18.706.023.403	31.974.311.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		139.239.903	529.126.503
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	822.577.242
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	18.566.783.500	30.622.607.532
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+270)	200		30.954.642.982	13.830.494.681
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		15.067.946.931	8.166.118.521
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	11.761.860.860	6.284.278.562
<i>Nguyên giá</i>	222		21.538.306.821	15.116.440.024
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.776.445.961)	(8.832.161.462)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	1.776.366.200	1.776.366.200
<i>Nguyên giá</i>	228		1.776.366.200	1.776.366.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	1.529.719.871	105.473.759
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	2.637.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	5.000.000.000	2.637.000.000
V- Lợi thế thương mại	260		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	270		10.886.696.051	3.027.376.160
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.9	10.101.503.370	2.780.624.823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.10	785.192.681	246.751.337
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		432.939.619.621	448.274.166.719

2008
 II
 ÁI
 M
 H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2008	01/01/2008
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		382.515.364.828	409.758.969.691
I- Nợ ngắn hạn	310		371.420.159.040	395.942.957.593
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	86.480.224.288	27.688.869.765
2. Phải trả người bán	312		133.101.859.163	204.427.311.775
3. Người mua trả tiền trước	313		131.293.116.904	119.991.945.452
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	5.218.741.323	2.830.650.350
5. Phải trả người lao động	315		-	29.415.182
6. Chi phí phải trả	316		-	77.811.312
7. Phải trả nội bộ	317	5.13	7.160.101.383	40.729.155.819
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	8.166.115.979	167.797.938
II- Nợ dài hạn	330		11.095.205.788	13.816.012.098
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	11.000.000.000	13.758.858.814
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		95.205.788	57.153.284
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430+439)	400		50.424.254.793	38.515.197.028
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	39.422.636.714	33.139.663.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.506.250.000	24.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	579.416.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22.549.813	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		22.549.813	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.871.287.088	7.660.247.608
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.16	1.582.643.161	59.129.958
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.582.643.161	59.129.958
C- LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		9.418.974.918	5.316.403.462
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		432.939.619.621	448.274.166.719

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2008	Năm 2007
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	562.341.109.899	438.727.772.565
2. Các khoản giảm trừ	02	5.17	27.402.939.887	265.422.802
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	534.938.170.012	438.462.349.763
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	508.454.329.674	416.204.841.225
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.483.840.338	22.257.508.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	7.448.891.928	3.234.392.833
7. Chi phí tài chính	22	5.19	6.234.366.303	4.940.093.837
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.234.366.303</i>	<i>4.933.875.441</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	203.075.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	16.807.512.937	10.782.430.790
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		10.890.853.026	9.566.301.744
11. Thu nhập khác	31	5.21	2.388.998.808	1.928.676.114
12. Chi phí khác	32	5.21	594.210.404	1.061.669.681
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.794.788.404	867.006.433
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.685.641.430	10.433.308.177
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	3.652.735.976	2.882.283.437
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(538.441.344)	(246.751.337)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		9.571.346.798	7.797.776.077
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		319.710.587	122.403.462
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		9.251.636.211	7.675.372.615
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	3.654	3.402

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Đương Tất Khiêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	12.685.641.430	10.433.308.177
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.597.989.824	2.721.204.506
- Các khoản dự phòng	03	38.052.504	140.718.609
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.456.000.024)	(3.418.089.897)
- Chi phí lãi vay	06	6.234.366.303	4.933.875.441
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</i>	08	13.100.050.037	14.811.016.836
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	30.684.152.690	(43.209.983.294)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	10.782.213.627	42.573.303.998
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(79.998.208.352)	12.647.158.816
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(6.930.991.947)	306.580.825
- Tiền lãi vay đã trả	13	(5.859.862.677)	(4.933.875.441)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.301.252.220)	(2.986.596.065)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	518.250.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.083.121.377)	(762.317.407)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(43.607.020.219)	18.963.538.268
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.973.963.857)	(3.782.749.662)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	73.764.859	132.930.442
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	137.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.661.603.995	844.370.570
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(3.601.595.003)	(5.305.448.650)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ chủ sở hữu	31	3.334.516.044	6.373.556.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	209.889.325.098	210.008.144.066
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(153.856.829.389)	(231.748.699.490)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.760.839.013)	(672.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	56.606.172.740	(16.038.999.424)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	9.397.557.518	(2.380.909.806)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	38.365.813.912	40.746.723.718
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	47.763.371.430	38.365.813.912

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xây lắp và Phát triển nhà số 1 thuộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 theo Quyết định số 1636/QĐ-BXD ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 5 năm 2007.

Tên giao dịch của Công ty là HUD1 INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: HUD1

Trụ sở Công ty tại số 168 đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 là 24.900.000.000 đồng, được chia thành 2.490.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng). Các cổ đông sáng lập bao gồm:

Stt	Tên Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần
1.	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	51%	1.269.900
2.	Các cổ đông khác	49%	1.220.100

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 tại Hồ Chí Minh (đã giải thể từ ngày 01/10/2008)

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp, thi công lắp đặt thiết bị kỹ thuật công trình, hệ thống cứu hỏa, trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;
- Tư vấn, thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, công nghiệp xây dựng.

Trong năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Đầu tư kinh doanh nhà, khu đô thị, thi công xây lắp các loại công trình dân dụng, công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1, các công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 07
Phương tiện vận tải	07
Dụng cụ quản lý	03 - 05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng phục vụ thi công và công tác quản lý, được phân bổ trong nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Vì vậy, lãi, lỗ thực tế của mỗi công trình thường chỉ được xác định đúng khi công trình đã hoàn thành, giá trị công trình đã được quyết toán và lãi, lỗ đối với phần khối lượng hoàn thành trong từng năm có thể chưa phản ánh đúng thực tế hoạt động kinh doanh của năm đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt	7.094.562.904	5.054.297.354
Tiền gửi ngân hàng	40.508.808.526	33.311.516.558
Các khoản tương đương tiền	160.000.000	-
Tổng	47.763.371.430	38.365.813.912

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Ban quản lý dự án Kim Liên	89.662.000	89.662.000
Chi hộ các Ban Quản lý dự án thuộc TCT HUD	1.178.933.000	-
Chi phí Ban quản lý chưa phân bổ	1.594.974.426	-
Phải thu Tổng Công ty HUD	430.000.000	-
Cổ tức năm 2008 đã chi trả đợt 1 (*)	2.218.303.500	-
Phải thu khác	89.927.982	442.194.969
Tổng	5.601.800.908	531.856.969

(*) Đây là khoản Công ty tạm chi trả một phần cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận của năm 2008 theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 51/NQ/HĐQT ngày 30/09/2008.

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	295.363.465.688	305.735.413.932
Hàng hóa	-	410.265.383
Tổng	295.363.465.688	306.145.679.315

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tạm ứng	18.566.783.500	30.622.607.532
Tổng	18.566.783.500	30.622.607.532

Số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2008 và 31/12/2007 chủ yếu là các khoản tiền đã tạm ứng cho các đội nhận khoán của Công ty để mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền lương.

5.5 Tài sản cố định vô hình

Giá trị tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 209m² tại thửa đất số 73-109 tờ bản đồ số 2,3 nền 1, lô 1 Bình Trưng Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

5.6 Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	105.473.759	-
Phát sinh trong năm	1.993.670.501	144.468.799
Kết chuyển tài sản cố định	569.259.461	38.995.040
Giảm khác	164.928	-
Tại ngày 31 tháng 12	1.529.719.871	105.473.759

Chi tiết theo công trình lớn:

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
CT nhà xưởng mộc và trung tâm nội thất	81.918.385	105.473.759
Nâng cấp văn phòng Công ty	1.447.801.486	-
Tổng	1.529.719.871	105.473.759



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Năm 2008	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	2.259.680.997	9.860.369.875	2.359.292.358	637.096.794	15.116.440.024
Tăng trong năm	569.259.461	5.803.126.908	667.281.870	156.403.893	7.196.072.132
Mua trong năm	-	4.084.418.559	411.772.507	140.758.389	4.636.949.455
XDCB hoàn thành	569.259.461	-	-	-	569.259.461
Tặng khác	-	1.718.708.349	255.509.363	15.645.504	1.989.863.216
Giảm trong năm	749.705.335	24.500.000	-	-	774.205.335
Thanh lý, nhượng bán	-	24.500.000	-	-	24.500.000
Giảm khác	749.705.335	-	-	-	749.705.335
Tại ngày 31 tháng 12	2.079.235.123	15.638.996.783	3.026.574.228	793.500.687	21.538.306.821
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	1.441.439.342	6.295.858.507	794.512.973	300.350.640	8.832.161.462
Tăng trong năm	137.729.292	1.011.567.322	346.835.456	101.857.754	1.597.989.824
Khấu hao trong năm	137.729.292	1.011.567.322	346.835.456	101.857.754	1.597.989.824
Giảm trong năm	650.278.455	3.426.870	-	-	653.705.325
Thanh lý, nhượng bán	-	3.426.870	-	-	3.426.870
Giảm khác	650.278.455	-	-	-	650.278.455
Tại ngày 31 tháng 12	928.890.179	7.303.998.959	1.141.348.429	402.208.394	9.776.445.961
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01 tháng 01	818.241.655	3.564.511.368	1.564.779.385	336.746.154	6.284.278.562
Tại ngày 31 tháng 12	1.150.344.944	8.334.997.824	1.885.225.799	391.292.293	11.761.860.860

5.8 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD8	5.000.000.000	2.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	-	137.000.000
Tổng	5.000.000.000	2.637.000.000

Giá trị của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8. Tổng giá trị vốn góp dự kiến là 5.000.000.000 đồng tương đương với 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển HUD8, số vốn thực tế góp đến thời điểm 31/12/2008 là 5.000.000.000 đồng.

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	2.780.624.823	3.381.386.272
Phát sinh trong năm	10.204.151.701	1.389.966.699
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.789.919.556	1.980.569.618
Giảm khác	93.353.598	10.158.530
Tại ngày 31 tháng 12	10.101.503.370	2.780.624.823

Số dư chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	785.192.681	246.751.337
Tổng	785.192.681	246.751.337

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

Vay và nợ ngắn hạn bao gồm chủ yếu khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2008/HĐ ngày 01/02/2008. Tổng hạn mức tín dụng theo hợp đồng là 120.000.000.000 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản của Công ty gồm: quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản có trên đất tại số 168 đường Giải Phóng, 04 xe ô tô con, quyền sử dụng đất của 209m² đất tại phường Trưng Đông, quận 2, Hồ Chí Minh và bảo lãnh của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay trung bình là 9 tháng.

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.919.910.113	1.898.072.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.264.658.022	889.814.266
Thuế thu nhập cá nhân	34.173.188	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	42.763.709
Tổng	5.218.741.323	2.830.650.350

5.13 Phải trả nội bộ

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển và Đô thị HUD	-	2.639.294.825
Các đội xây dựng	7.160.101.383	38.089.860.994
Tổng	7.160.101.383	40.729.155.819

Số liệu trên khoản mục “Phải trả nội bộ” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007 bao gồm các khoản phải trả Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị và các khoản phải trả các đội xây dựng. Trong năm 2008, Công ty đã thực hiện phân loại lại giá trị công nợ phải trả theo bản chất công nợ phát sinh trên các khoản mục trả trước cho người bán, tài sản ngắn hạn khác và phải trả người bán. Tuy nhiên, giá trị công nợ tại ngày 31/12/2007 không phân loại lại và trình bày lại để đảm bảo tính so sánh với Báo cáo tài chính năm 2007 đã được kiểm toán và đệ trình cho các cơ quan chức năng.

5.14 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, y tế	165.451.775	159.154.725
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.000.664.204	8.643.213
- TCT Đầu tư Phát triển và Đô thị HUD	2.343.571.625	-
- Các đội xây dựng	5.494.626.516	-
- Phải trả, phải nộp khác	162.466.063	8.643.213
Tổng	8.166.115.979	167.797.938

SC
NG
D
T
T
Y-

5.15 Vay và nợ dài hạn

Số liệu trên khoản mục “Vay và nợ dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 là số tiền vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. Khoản vay được thực hiện theo Hợp đồng vay trung hạn, dài hạn số 01/2007/HĐ ngày 30/3/2007, tổng tiền vay là 68 tỷ đồng. Mục đích sử dụng khoản vay này là để đầu tư Dự án xây dựng khu biệt thự cao cấp BT05 - BT06 tại Khu đô thị mới Việt Hưng - Long Biên, Hà Nội. Thời hạn vay 30 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, nợ gốc được thanh toán theo 9 lần, lần đầu tiên bắt đầu từ tháng 9/2007.

5.16 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	<u>Theo Giấy chứng nhận ĐKKD</u>			<u>Vốn góp thực tế</u>	
	<u>Cổ phần</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
		<u>VND</u>	<u>(%)</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty HUD	1.269.900	12.699.000.000	51,0	15.717.560.000	12.699.000.000
Nguyễn Đình Thắng	27.805	278.050.000	1,1	385.400.000	278.050.000
Trần Quang Tuyền	35.950	359.500.000	1,4	354.720.000	359.500.000
Các cổ đông khác	1.156.345	11.563.450.000	46,4	14.048.570.000	11.563.450.000
Tổng	2.490.000	24.900.000.000	100	30.506.250.000	24.900.000.000

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103003442, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 5 năm 2007 là 24.900.000.000 đồng.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 3.050.625 cổ phiếu
 Số cổ phiếu phổ thông : 3.050.625 cổ phiếu
 Số cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu
 Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trong năm 2008, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua trả cổ tức năm 2007 bằng phát hành 560.625 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 25% tương ứng theo thời gian góp vốn thực tế vào Công ty trong năm 2007, tổng số tiền là 5.606.250.000 đồng.

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	24.900.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	5.606.250.000	9.900.000.000
Vốn góp giảm trong năm ³	-	-
Vốn góp cuối năm	30.506.250.000	24.900.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.606.250.000	2.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUDI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.16 Vốn đầu tư của Chủ sở hữu (Tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
Tại 01/01/2007	15.000.000.000	-	3.870.624.676	433.548.677	3.504.771.233	100.806.633	22.909.751.219
Tăng trong năm	9.900.000.000	579.416.000	(3.870.624.676)	(433.548.677)	7.675.372.615	705.515.725	14.048.928.615
Tăng vốn	9.900.000.000	579.416.000	(3.525.599.969)	(580.260.031)	-	-	6.373.556.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	7.675.372.615	-	7.675.372.615
Trích lập quỹ	-	-	570.544.154	146.711.354	-	705.515.725	-
Chia cổ tức	-	-	(915.568.861)	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.519.896.240	747.192.400	762.317.407
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.504.771.233	-	-
Chi quỹ và giảm khác	-	-	-	-	15.125.007	747.192.400	762.317.407
Tại 31/12/2007	24.900.000.000	579.416.000	-	-	7.660.247.608	59.129.958	36.196.362.427
Tại 01/01/2008	24.900.000.000	579.416.000	-	-	7.660.247.608	59.129.958	36.196.362.427
Tăng trong năm	5.606.250.000	-	22.549.813	22.549.813	9.338.607.686	3.565.007.218	18.554.964.530
Tăng vốn	5.606.250.000	-	-	-	-	-	5.606.250.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.251.636.211	-	9.251.636.211
Trích lập quỹ	-	-	22.549.813	22.549.813	-	3.014.007.218	3.059.106.844
Tăng khác	-	-	-	-	86.971.475	551.000.000	637.971.475
Giảm trong năm	-	579.416.000	-	-	8.127.568.206	2.041.494.015	10.748.478.221
Tăng vốn	-	579.416.000	-	-	5.026.834.000	-	5.606.250.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.059.106.844	-	3.059.106.844
Chi quỹ và giảm khác	-	-	-	-	41.627.362	2.041.494.015	2.083.121.377
Tại 31/12/2008	30.506.250.000	-	22.549.813	22.549.813	8.871.287.088	1.582.643.161	44.002.848.736

Đơn vị tính: VND

Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phương án chào bán 2.510.000 cổ phiếu ra công chúng theo Công văn số 356/UBCK-GCN ngày 05/12/2008. Trong năm, Công ty đã thực hiện tăng vốn 5.606.250.000 đồng từ nguồn chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

5.16 **Vốn đầu tư của Chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Cổ phiếu

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	2.490.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.050.625	2.490.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.050.625</i>	<i>2.490.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.050.625	2.490.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.050.625</i>	<i>2.490.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

5.17 **Doanh thu**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng	20.197.153.679	5.062.826.088
Doanh thu xây dựng	376.948.919.670	852.387.482
Doanh thu kinh doanh bất động sản	163.835.923.477	432.812.558.995
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.359.113.073	-
Tổng	562.341.109.899	438.727.772.565
Các khoản giảm trừ	27.402.939.887	265.422.802
Doanh thu thuần	534.938.170.012	438.462.349.763

5.18 **Giá vốn hàng bán**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.605.362.609	4.918.313.524
Giá vốn xây lắp	336.868.447.560	410.865.929.458
Giá vốn kinh doanh bất động sản	151.364.438.901	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	616.080.604	420.598.243
Tổng	508.454.329.674	416.204.841.225

Số liệu giá vốn nêu trên chưa loại trừ chi phí sử dụng vốn của các đơn vị trực thuộc với số tiền là 4.264.727.658 đồng.

10/12/08 H B - 1/5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.19 Doanh thu / Chi phí tài chính

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.957.457.994	215.970.686
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.491.433.934	3.018.422.147
Tổng	7.448.891.928	3.234.392.833
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	6.234.366.303	4.933.875.441
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	6.218.396
Tổng	6.234.366.303	4.940.093.837
Doanh thu tài chính thuần	1.214.525.625	(1.705.701.004)

Số liệu doanh thu tài chính nêu trên chưa loại trừ chi phí sử dụng vốn của các đơn vị trực thuộc với số tiền là 4.264.727.658 đồng.

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.336.501.267	6.699.054.988
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	1.111.699.443	513.540.027
Chi phí khấu hao tài sản cố định	822.969.272	889.246.739
Thuế, phí và lệ phí	103.994.768	17.665.876
Chi phí dự phòng	-	83.565.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.844.262.324	1.000.683.546
Chi phí bằng tiền khác	2.588.085.863	1.578.674.289
Tổng	16.807.512.937	10.782.430.790

5.21 Thu nhập khác / chi phí khác

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ cho thuê công cụ, dụng cụ	1.112.944.411	551.891.068
Thu nhập từ thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	73.764.859	1.245.363.925
Thu nhập khác	1.202.289.538	131.421.121
Tổng	2.388.998.808	1.928.676.114
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản, công cụ dụng cụ thanh lý	66.656.763	1.061.666.861
Các khoản khác	527.553.641	2.820
Tổng	594.210.404	1.061.669.681
Thu nhập khác thuần	1.794.788.404	867.006.433

10/00/08/15

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.596.246.805	11.314.562.953
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	756.840.000	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.839.406.805	11.314.562.953
TN chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	6.198.675.613	3.269.590.421
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>28%</i>	<i>28%</i>
Chi phí thuế TNDN phát sinh	1.296.493.149	915.485.317
TN chịu thuế hoạt động kinh doanh bất động sản	8.640.731.192	8.044.972.532
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>28%</i>	<i>28%</i>
Chi phí thuế TNDN phát sinh	2.419.404.704	2.252.592.309
<i>Thuế TNDN được miễn giảm</i>	<i>63.161.877</i>	<i>285.794.189</i>
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	3.652.735.976	2.882.283.437
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.652.735.976	2.882.283.437
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.652.735.976	2.882.283.437

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.251.636.211	7.675.372.615
Điều chỉnh tăng	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.251.636.211	7.675.372.615
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã phân loại vào vốn chủ sở hữu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.251.636.211	7.675.372.615
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.532.047	2.256.250
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.654	3.402

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
<u>Các giao dịch mua</u>		
TCT Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	333.916.052	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	3.552.973.821	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	452.531	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nhà ở và Khu đô thị HUDS	80.660.951	-
<u>Giao dịch bán</u>		
TCT Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	193.525.459.937	251.526.983.660
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị số 9	20.109.760.910	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6	14.078.718.538	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD2	10.765.168.273	9.409.235.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	-	62.040.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	2.842.470.000	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
<u>Các khoản phải thu</u>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD3	-	13.634.615
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng HUD-CIC	279.810.550	279.810.550
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	-	32.690.000
TCT Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	2.325.807.343	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị số 9	2.345.591.044	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	-	4.968.370.224
<u>Các khoản phải trả</u>		
TCT Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD	173.539.666.697	185.757.107.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà HUD2	193.386.857	5.768.491.157
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD6	1.113.409.608	5.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị số 9	-	2.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD4	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Đảo	2.142.629.776	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	5.885.500.000	-

10/10
37
3A
2A
3A
2A

6.2 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo nhận định của Ban giám đốc, không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải công bố hoặc điều chỉnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hải

Nguyễn Huy Hưng

Dương Tất Khiêm

